

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
CỬU LONG**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tài Cương	Chủ tịch
Ông Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên
Ông Hoàng Văn Toàn	Ủy viên
Bà Phạm Thị Đào	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quyết Thắng	Tổng Giám đốc (thôi giữ chức ngày 24 tháng 2 năm 2011)
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2011)
Ông Lê Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc (thôi giữ chức ngày 19 tháng 8 năm 2010)
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Duyên Hiếu
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2011

S. 41/20
CHI
CƠ
SÁCH NH
DEL
VIỆT
(TP. H
H. 1 TP.

Số: 2741 /2011/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 20.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

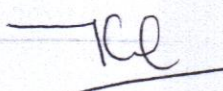
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 25 tháng 3 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0395/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		149.301.965.968	125.275.004.209
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	83.502.080.220	76.565.955.802
1. Tiền	111		6.370.161.620	7.565.955.802
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	77.131.918.600	69.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.541.197.000	8.687.705.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.343.170.080	11.853.396.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.801.973.080)	(3.165.691.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.098.801.770	31.598.531.045
1. Phải thu khách hàng	131		44.224.819.237	15.237.956.572
2. Trả trước cho người bán	132		13.829.556.307	18.725.708.436
3. Các khoản phải thu khác	135		2.325.713.678	1.649.174.037
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.281.287.452)	(4.014.308.000)
IV. Hàng tồn kho	140	7	8.381.858.765	1.888.039.977
1. Hàng tồn kho	141		8.381.858.765	1.888.039.977
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.778.028.213	6.534.772.385
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.416.694.516	2.519.371.908
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		227.218.885	3.071.848.369
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		282.679.762	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		851.435.050	943.552.108
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		173.481.658.259	184.415.642.594
I. Tài sản cố định	220		163.140.058.738	173.369.558.437
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	160.790.279.264	165.918.281.450
- Nguyên giá	222		209.833.154.620	190.290.527.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.042.875.356)	(24.372.246.527)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	338.578.122	413.672.626
- Nguyên giá	228		443.967.020	443.967.020
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(105.388.898)	(30.294.394)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	2.011.201.352	7.037.604.361
II. Bất động sản đầu tư	240	11	8.511.460.000	8.511.460.000
- Nguyên giá	241		8.511.460.000	8.511.460.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.830.139.521	2.534.624.157
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.509.467.521	2.042.130.393
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	-	228.421.764
3. Tài sản dài hạn khác	268		320.672.000	264.072.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		322.783.624.227	309.690.646.803

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		92.737.727.076	84.428.687.848
I. Nợ ngắn hạn	310		65.634.522.922	49.099.433.033
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	8.539.632.969	8.352.134.969
2. Phải trả người bán	312		52.621.210.039	36.165.494.642
3. Người mua trả tiền trước	313		37.326.861	34.247.972
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	122.557.285	137.790.121
5. Phải trả người lao động	315		2.209.123.903	2.653.456.821
6. Chi phí phải trả	316		761.855.781	329.280.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.342.816.084	1.427.028.508
II. Nợ dài hạn	330		27.103.204.154	35.329.254.815
1. Phải trả dài hạn khác	333	15	2.939.012.414	2.841.154.839
2. Vay và nợ dài hạn	334	16	24.163.737.907	32.487.339.476
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		453.833	760.500
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		230.045.897.151	225.261.958.955
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	230.045.897.151	225.261.958.955
1. Vốn điều lệ	411		230.000.000.000	230.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)	420		45.897.151	(4.738.041.045)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		322.783.624.227	309.690.646.803



Nguyễn Duyên Hiếu
 Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 3 năm 2011

Phạm Thị Ánh Tuyết
 Kế toán trưởng



Handwritten mark or signature at the bottom right corner.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		498.858.158.088	285.470.709.732
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(1.432.163)	(6.711.948)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	498.856.725.925	285.463.997.784
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	19	(478.574.035.238)	(274.286.849.624)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.282.690.687	11.177.148.160
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	9.345.316.047	14.501.672.897
7. Chi phí tài chính	22	21	(4.653.582.882)	(1.682.846.793)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.735.413.382</i>	<i>(1.682.846.793)</i>
8. Chi phí bán hàng	24		(794.173.636)	(1.034.525.197)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(17.018.800.996)	(19.093.961.994)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		7.161.449.220	3.867.487.073
11. Thu nhập khác	31		1.666.939.980	515.275.264
12. Chi phí khác	32		(3.022.237.231)	(489.258.626)
13. Lợi nhuận khác	40	22	(1.355.297.251)	26.016.638
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.806.151.969	3.893.503.711
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	(793.792.009)	-
16. (Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	(228.421.764)	228.421.764
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.783.938,196	4.121.925.475
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	208	179



Nguyễn Duyên Hiếu
 Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 3 năm 2011

Phạm Thị Ánh Tuyết
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONGSố 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.806.151.969	3.893.503.711
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	24.893.109.825	16.818.779.187
Các khoản dự phòng	03	5.903.261.532	2.231.113.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.933.519.619)	(8.063.249.066)
Chi phí lãi vay	06	3.735.413.382	1.682.846.793
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	31.404.417.089	16.562.993.625
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(21.413.121.450)	20.743.547.332
Tăng hàng tồn kho	10	(6.493.818.788)	(1.157.626.249)
Tăng các khoản phải trả	11	14.999.707.522	27.570.563.043
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	831.591.017	(1.614.131.111)
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.437.512.110)	(1.758.902.101)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.076.471.771)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	97.857.575	1.715.430.226
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(13.153.240)	(203.550.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.899.495.844	61.858.324.765
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(13.904.159.052)	(76.226.274.907)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	359.090.909	409.523.810
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của công ty khác	24	-	16.900.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25	(71.760.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	26	581.985.920	262.290.000
6. Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	7.849.540.424	7.537.716.498
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.185.301.799)	(51.116.744.599)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	40.839.474.445
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.778.069.627)	(50.703.538.910)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.778.069.627)	(9.864.064.465)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	6.936.124.418	877.515.701
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	76.565.955.802	75.688.440.101
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	83.502.080.220	76.565.955.802

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang không bao gồm 1.332.356.190 đồng (năm 2009: 39.235.500 đồng) là giá trị tài sản mua sắm và chi phí đầu tư xây dựng phát sinh trong năm chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Trong năm, Công ty đã dùng số tiền đầu tư ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam là 5.358.033.942 đồng (năm 2009: 0 đồng) để thanh toán khoản nợ vay phải trả trong năm. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển nên không được trình bày trong báo cáo trên đây.



Nguyễn Duyên Hiếu
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2011

Phạm Thị Ánh Tuyết
Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long (“gọi tắt là Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006914 ngày 4 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 176 người (năm 2009: 196 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán hàng hóa, kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi theo hợp đồng, theo tuyến cố định và cung cấp các dịch vụ khác.

Các chi nhánh của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Đại Hùng: 18A Nguyễn Cửu Vân, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Côn Sơn: 18 Nguyễn Cửu Vân, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
- Trung tâm Bảo dưỡng và Kinh doanh Ô tô: 18 Nguyễn Cửu Vân, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Ninh Thuận: Xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.
- Chi nhánh Quảng Ngãi: Xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.
- Chi nhánh Vũng Tàu: 101 Lê Lợi, phường 6, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu doanh nghiệp trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

1872-
HÀNH
STY
NHỮNG
TTI
NAM
NỘI
TỔ CHỨC

1/2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Năm

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất để bán do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn sử dụng của phần mềm máy tính.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm máy bộ đàm và đồng hồ tính cước gắn trên xe taxi và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Máy bộ đàm và đồng hồ tính cước gắn trên xe taxi được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian bốn năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến bốn năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

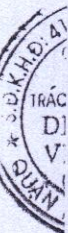
Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.



Handwritten signature

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	2.955.616	32.353.791
Tiền gửi ngân hàng	6.367.206.004	7.533.602.011
Các khoản tương đương tiền	77.131.918.600	69.000.000.000
	<u>83.502.080.220</u>	<u>76.565.955.802</u>

27/07/2011
 HÃNG
 NG TY
 HEM HƯ
 OIT
 NA
 HÀ NỘ
 HOC

We

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONGSố 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn	-	5.000.000.000
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	6.343.170.080	6.853.396.000
	6.343.170.080	11.853.396.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(3.801.973.080)	(3.165.691.000)
	2.541.197.000	8.687.705.000

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Nguyên vật liệu	398.906.430	239.500.269
Công cụ, dụng cụ	1.521.388.423	1.090.671.030
Hàng hóa	6.461.563.912	557.868.678
	8.381.858.765	1.888.039.977

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	808.674.836	1.268.501.794	187.182.130.691	1.031.220.656	190.290.527.977
Tăng trong năm	-	-	-	50.693.264	50.693.264
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	245.341.846	436.363.636	19.208.604.992	125.663.760	20.015.974.234
Thanh lý	-	-	(524.040.855)	-	(524.040.855)
Tại ngày 31/12/2010	1.054.016.682	1.704.865.430	205.866.694.828	1.207.577.680	209.833.154.624
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2010	111.374.150	157.094.116	23.839.332.314	264.445.947	24.372.246.527
Khấu hao trong năm	186.450.174	192.053.400	24.185.518.376	253.993.371	24.818.015.321
Giảm do thanh lý	-	-	(147.386.492)	-	(147.386.492)
Tại ngày 31/12/2010	297.824.324	349.147.516	47.877.464.198	518.439.318	49.042.875.356
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	756.192.358	1.355.717.914	157.989.230.630	689.138.362	160.790.279.264
Tại ngày 31/12/2009	697.300.686	1.111.407.678	163.342.798.377	766.774.709	165.918.281.450

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 58.277.379.990 đồng (31 tháng 12 năm 2009 58.661.492.666 đồng) để đảm bảo cho khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (xem Thuyết minh số 16).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONGSố 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phân mềm máy tính VNĐ
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1/1/2010	443.967.020
Tại ngày 31/12/2010	443.967.020
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 1/1/2010	30.294.394
Khấu hao trong năm	75.094.504
Tại ngày 31/12/2010	105.388.898
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2010	338.578.122
Tại ngày 31/12/2009	413.672.626

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

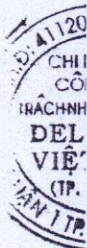
	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	7.037.604.361	2.132.728.553
Tăng	17.298.103.299	76.179.904.800
Kết chuyển sang tài sản cố định	(20.015.974.234)	(71.275.028.992)
Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn	(196.250.753)	
Kết chuyển vào chi phí	(2.112.281.321)	-
Số dư cuối năm	<u>2.011.201.352</u>	<u>7.037.604.361</u>

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, bất động sản đầu tư bao gồm chi phí đầu tư vào ba lô đất nền số 8 lô A, số 20 lô A và số 43 lô E thuộc dự án Khu dân cư Phước Long A, Bắc Rạch Chiếc, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh với giá trị là 8.511.460.000 đồng (năm 2009: 8.511.460.000 đồng). Ban Giám đốc Công ty cho rằng giá trị hợp lý của các lô đất trên tương đương với giá trị ghi sổ, do đó, không cần thiết phải trích lập dự phòng.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	2.042.130.393	2.065.419.940
Tăng	743.993.278	964.224.252
Phân bổ vào chi phí trong năm	(1.276.656.150)	(987.513.799)
Số dư cuối năm	<u>1.509.467.521</u>	<u>2.042.130.393</u>



ka

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	Lỗ được chuyển VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	-
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	228.421.764
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	228.421.764
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	(228.421.764)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	-

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	71.639.620	72.495.368
Thuế thu nhập cá nhân	50.917.665	65.294.753
	122.557.285	137.790.121

15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác thể hiện các khoản tiền nhận ký quỹ dài hạn từ tài xế xe taxi. Khoản ký quỹ này được hoàn trả khi Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với tài xế xe taxi.

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	428.001.000	542.134.600
Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	29.837.869.876	37.297.339.845
Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	2.437.500.000	3.000.000.000
	32.703.370.876	40.839.474.445

Vay dài hạn thể hiện các khoản vay như sau:

- Tại ngày 1 tháng 7 năm 2009, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Công ty Cổ phần Tài chính Dầu Khí, Chi nhánh Hà Nội với số tiền 40.638.000.000 đồng. Khoản vay này được trả nhiều lần bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2010 đến ngày 1 tháng 12 năm 2014. Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất huy động vốn cá nhân 12 tháng bằng đồng Việt Nam trả lãi cuối kỳ cộng 2,52% một năm và được điều chỉnh 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được hỗ trợ lãi suất đến hết 31 tháng 12 năm 2011 với mức lãi suất hỗ trợ 4%/năm. Lãi vay được trả hàng tháng và nợ gốc được trả hàng năm. Công ty đã sử dụng tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn vay để thế chấp cho khoản vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONGSố 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

- Tại ngày 7 tháng 7 năm 2009, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 570.066.800 đồng để mua một xe ô tô. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ quý 3 năm 2009 đến quý 2 năm 2014. Khoản vay chịu lãi với lãi suất hàng năm bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại dương cộng 4% và được điều chỉnh 3 tháng một lần. Tiền lãi được trả hàng tháng, nợ gốc được thanh toán hàng quý. Công ty đã sử dụng tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn vay để thế chấp cho khoản vay này.
- Tại ngày 16 tháng 11 năm 2009, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 3 tỷ đồng để thực hiện dự án mua 2 xe bồn vận chuyển LPG. Khoản vay này được trả nhiều lần bắt đầu từ tháng 12 năm 2010 đến tháng 12 năm 2013. Khoản vay chịu lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần. Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 1%/tháng từ 30 tháng 12 năm 2009 đến 30 tháng 3 năm 2010 và được hỗ trợ lãi suất 4%/năm trong vòng 24 tháng kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2009. Tiền lãi được trả hàng tháng, nợ gốc được thanh toán hàng quý. Công ty đã sử dụng tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn vay để thế chấp cho khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	8.539.632.969	8.352.134.969
Trong năm thứ hai	24.163.737.907	8.323.601.569
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	24.163.737.907
	<u>32.703.370.876</u>	<u>40.839.474.445</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(8.539.632.969)</u>	<u>(8.352.134.969)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>24.163.737.907</u>	<u>32.487.339.476</u>

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ đông VNĐ	(Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại 1/1/2009	230.000.000.000	(8.859.966.520)	221.140.033.480
Lợi nhuận trong năm	-	4.121.925.475	4.121.925.475
Số dư tại ngày 31/12/2009	<u>230.000.000.000</u>	<u>(4.738.041.045)</u>	<u>225.261.958.955</u>
Lợi nhuận trong năm	-	4.783.938.196	4.783.938.196
Số dư tại ngày 31/12/2010	<u>230.000.000.000</u>	<u>45.897.151</u>	<u>230.045.897.151</u>

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ đã được các cổ đông đóng góp là 230.000.000.000 đồng.

me

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Giá trị cổ phần và số cổ phiếu của Công ty như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu chưa phát hành và chưa được góp vốn	7.000.000	7.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Dưới đây là thông tin về lượng cổ phần nắm giữ và số vốn thực tế góp của các cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010:

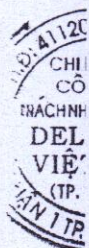
	31/12/2010		31/12/2009	
	VNĐ	%	VNĐ	%
Công ty TNHH MTV Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm khí	45.000.000.000	19,6%	49.435.000.000	21%
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam	-	0%	11.009.280.000	5%
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	30.000.000.000	13%	30.000.000.000	13%
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	-	0%	15.000.000.000	7%
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí	15.000.000.000	7%	21.540.000.000	9%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	52.037.720.000	23%	52.037.720.000	23%
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Sông Đà	1.032.200.000	0,4%	30.000.000.000	13%
Các cổ đông khác	86.930.080.000	37%	20.978.000.000	9%
	<u>230.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>230.000.000.000</u>	<u>100%</u>

18. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán hàng	389.682.835.227	233.234.571.010
Doanh thu cung cấp dịch vụ	109.173.890.698	52.229.426.774
	<u>498.856.725.925</u>	<u>285.463.997.784</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	379.476.604.857	226.067.762.464
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	99.097.430.381	48.219.087.160
	<u>478.574.035.238</u>	<u>274.286.849.624</u>



Handwritten signature or initials.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONGSố 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.226.017.015	8.112.292.608
Cổ tức, lợi nhuận được chia	83.100.000	155.310.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.632	200.204
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	4.435.770.085
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	1.798.100.000
Doanh thu tài chính khác	36.178.400	-
	<u>9.345.316.047</u>	<u>14.501.672.897</u>

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	636.282.080	-
Chi phí lãi vay	3.735.413.382	1.682.846.793
Lỗ từ hoạt động đầu tư	280.985.920	-
Chi phí tài chính khác	901.500	-
	<u>4.653.582.882</u>	<u>1.682.846.793</u>

22. (LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Thu từ thanh lý tài sản cố định	359.090.909	409.523.810
Thu phạt do vi phạm hợp đồng	314.956.635	12.238.903
Thu hỗ trợ từ chính phủ	969.303.260	-
Thu nhập khác	23.589.176	93.512.551
	<u>1.666.939.980</u>	<u>515.275.264</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	376.654.363	458.567.352
Chi dịch vụ tư vấn	498.651.630	-
Chuyển vào chi phí các công trình đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	2,098,281,321	-
Chi phí khác	48.649.917	30.691.274
	<u>3.022.237.231</u>	<u>489.258.626</u>
(Lỗ)/lợi nhuận khác	<u>(1.355.297.251)</u>	<u>26.016.638</u>

1372-C
 ANH
 TY
 HỮU H
 TTE
 NAM
 NỘI
 O CH

Me

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONGSố 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận trước thuế	5.806.151.969	3.893.503.711
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.765.946.793)	(94.650.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	48.649.917	1.682.846.793
Thu nhập tính thuế	4.088.855.093	5.481.700.504
Chuyển lỗ tính thuế của các năm trước	(913.687.057)	(5.481.700.504)
Thu nhập tính thuế cho năm nay	3.175.168.036	-
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	793.792.009	-

24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	4.783.938.196	4.121.925.475
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.783.938.196	4.121.925.475
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	23.000.000	23.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>208</u>	<u>179</u>

Trong năm và đến ngày lập báo cáo này, không có sự kiện nào khác dẫn đến khả năng giảm lãi trên cổ phiếu của Công ty.

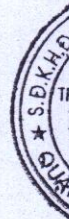
25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>1.243.190.000</u>	<u>992.631.089</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	1.293.557.333	1.225.248.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.689.227.200	2.836.767.200
	<u>2.982.784.533</u>	<u>4.062.015.200</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng tại số 18 Nguyễn Cửu Vân, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh và các hợp đồng thuê đất khác. Các hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm kể từ năm 2007.



Nca

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

Số 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

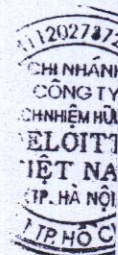
Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Mua hàng và dịch vụ		
Mua xe từ Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Sông Đà	-	45.482.503
Mua LPG từ Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	273.889.288.771	154.963.673.517
Mua bảo hiểm xe của Công ty Bảo hiểm Dầu khí Bến Thành	-	138.326.791
Mua LPG từ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	-	360.111.000
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	-	1.649.727.272
Chi nhánh Công ty Đầu tư Phát triển Gas đô thị PVI Sài Gòn	4.076.683.700	1.501.403.546
	<u>4.076.683.700</u>	<u>1.501.403.546</u>
Đầu tư		
Gửi tiết kiệm có kỳ hạn - Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	5.000.000.000
	<u>-</u>	<u>5.000.000.000</u>
Vay vốn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	40.297.339.845
	<u>-</u>	<u>40.297.339.845</u>
Cung cấp hàng và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu	-	7.080.271.561
Tổng Công ty Phân bón & Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần	3.042.334.679	2.425.420.129
Công ty TNHH Phân bón & Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	1.214.611.586	901.916.968
Công ty Liên doanh Khí Hóa lỏng Việt Nam	-	-
Công ty TNHH Phân bón & Hóa chất Dầu khí	-	472.325.434
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	612.083.429	316.457.476
Công ty Cổ phần Đầu tư & Sản xuất PETRO Miền Trung	-	3.394.976.647
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Phân bón và Hóa chất Dầu khí	-	472.325.434
Chi Nhánh – Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	-	783.820.965
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đồng Tiến - Chi nhánh Vũng Tàu	-	224.729.966
Chi nhánh Phía Nam – Công ty TNHH MTV Quản lý & Khai thác Tài sản Dầu khí	1.401.619.271	226.258.582
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên	-	8.277.019.635
Công ty Nhập khẩu và Phân phối than Dầu khí	1.259.154.174	331.668.889
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	1.558.587.124	228.515.261
Công ty Bảo Hiểm Dầu Khí Sài Gòn (PVI Sài Gòn)	762.086.779	113.211.047
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí	6.752.228.600	84.000.000
Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV Công ty kinh doanh sản phẩm khí	120.199.182	-
Công ty Cổ phần phân phối Khí thấp áp	814.301.975	-
	<u>814.301.975</u>	<u>-</u>



Kle

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONGSố 18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lương và các khoản khác	957.607.027	800.969.034

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Phân bón & Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần	280.435.000	831.712.610
Công ty TNHH Phân bón & Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	92.401.676	263.495.130
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	589.937.199	231.940.804
Tổng Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Khí	6.378.823.000	92.400.000
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Sài Gòn (PVI Sài Gòn)	68.084.710	17.465.000
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam- Công ty điều hành Dầu khí Biển Đông	589.937.199	231.940.804
Chi nhánh Tổng Công ty khí Việt Nam- Công ty TNHH MTV Cty Kinh doanh sản phẩm khí	142.663.906	-
Chi nhánh Phía Nam - Công ty TNHH MTV Quản lý và khai thác Tài sản Dầu khí	125.487.975	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam	<u>58.581.030</u>	<u>108.097.890</u>
Các khoản ứng trước cho nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí Việt Nam	<u>34.457.500</u>	<u>34.457.500</u>
Các khoản phải trả		
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	32.320.583.744	30.156.591.916
Công ty Cổ phần Hóa dầu dầu khí Vidamo	<u>138.831.989</u>	-
Đầu tư ngắn hạn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	<u>5.000.000.000</u>
Vay dài hạn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	<u>23.878.403.907</u>	<u>40.297.339.845</u>



Nguyễn Duyên Hiếu
 Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 3 năm 2011

Phạm Thị Ánh Tuyết
 Kế toán trưởng